

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **235/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 26 - 10 - 2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Thế Hùng

2. Bà Hoàng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/8/2022 về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Diệu L, sinh năm 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 36, phân trại số 02, Trại giam số 05, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị L ngày 17/8/2022 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị Diệu L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn K kết hôn do hai bên tự nguyện. Có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm thì cưới. Đăng ký kết hôn ngày 06/3/2020 tại UBND xã T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Đầu năm 2021 anh K có tham gia đánh nhau và bị bắt sau đó xét xử về tội “Giết

người” mức án 15 năm tù. Hiện tại đang chấp hành án tại trại giam số 05, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân kể từ khi anh K đi chấp hành án cho tới nay. Hiện nay chị không thai nghén gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Trịnh Anh L, sinh ngày 25/10/2020. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2022 bị đơn anh Trịnh Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh công nhận ý kiến trình bày của chị L là đúng. Anh và chị L có thời gian tìm hiểu nhau 02 tháng thì cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phạm tội “Giết người” nên đã bị xét xử phải đi chấp hành án 15 năm tại trại giam số 02, trại giam số 05. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên khuyên can hòa giải nhưng chị L không đồng ý. Vợ chồng sống ly thân kể từ khi anh đi chấp hành án cho tới nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Anh L, sinh ngày 25/10/2020. Hiện tại con khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị L. Vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh giao cháu L cho chị Trịnh Thị Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh không có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh K vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết: Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Trịnh Thị Diệu L được ly hôn anh Trịnh Văn K. Về con chung: Đề nghị HĐXX

tuyên giao cháu Trịnh Anh L cho chị Trịnh Thị Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị L phải nộp án phí theo quy định.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị L và anh K là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Hiện tại anh K đang chấp hành án tại Đội 36, phân trại số 02, Trại giam số 05, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, anh K có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh K là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Mặt khác, anh K phạm tội giết người bị Tòa án xử phạt 15 năm tù, hiện đang phải chấp hành án nên không có điều kiện để vợ chồng trao đổi tình cảm. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị L và anh K sống ly thân từ năm 2021, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh K đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị L xin ly hôn, về phía anh K cũng xác định tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị L và anh K có 01 con chung là Trịnh Anh L, sinh ngày 25/10/2020. Chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, anh K cũng đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con. HĐXX xét thấy: Hai bên thống nhất ý chí về việc người trực tiếp nuôi con, vì vậy HĐXX chấp nhận theo nguyện vọng của hai bên giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị L và anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản và công nợ chung*: Chị L và anh K trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Chị L khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Diệu L.

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Trịnh Thị Diệu L được ly hôn anh Trịnh Văn K.

Về con chung: Chị L và anh K có 01 con chung. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Anh L, sinh ngày 25/10/2020. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Diệu L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị L đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003580 ngày 17/8/2022. Chấp nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị L trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**
TÒA

Phạm Hữu Thắng

